

Ngày 15/05/2026



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY



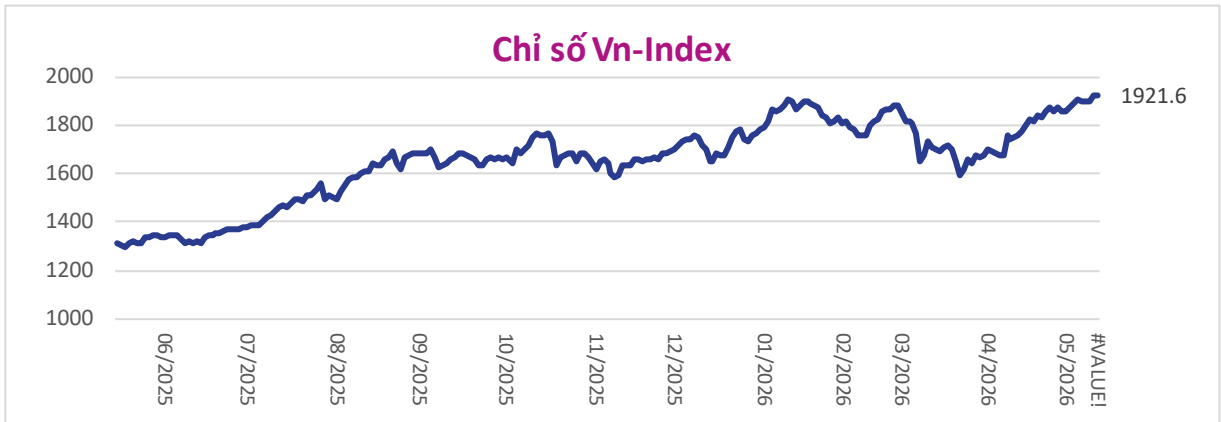
Tổng quan thị trường

(Cập nhật 14:45)

1921.6

-3.86

-0.20%

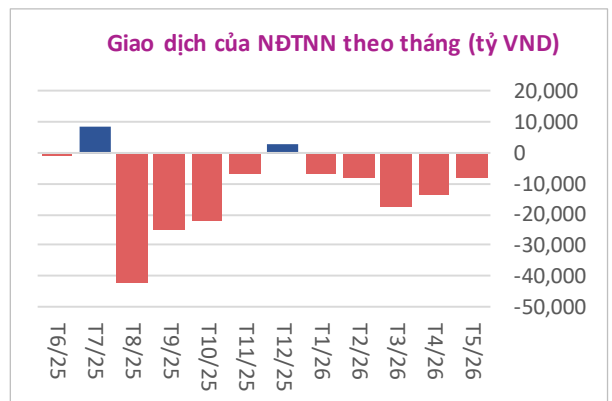
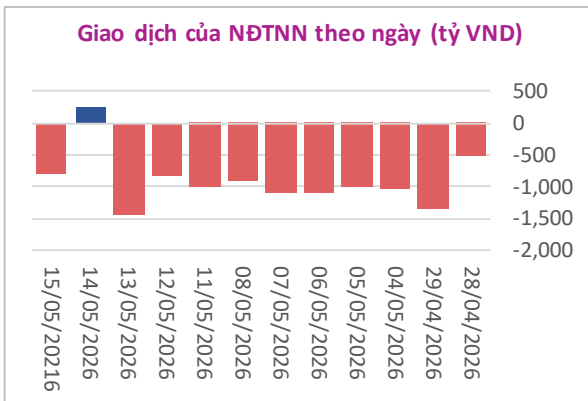


Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/05/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1921,60 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -3,86 điểm, nhưng vẫn đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường cao hơn so với phiên giao dịch trước, tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: GAS(+6,9%), GVR(+4,3%), trong khi đó một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: BID(-1,4%), FPT(-1,4%), HPG(-1,8%), VPB(-2,1%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 5/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -8.164 tỷ đồng. Luỹ kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -53.843 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 15/05/2026, khối ngoại đã chuyển sang bán ròng -801 tỷ đồng.

Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã hút -8.000 tỷ đồng. Như vậy, sau những ngày bơm tiền, NHNN bắt đầu hút ròng trở lại trong phiên gần nhất, cho thấy sự thận trọng trở lại trong điều hành.

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



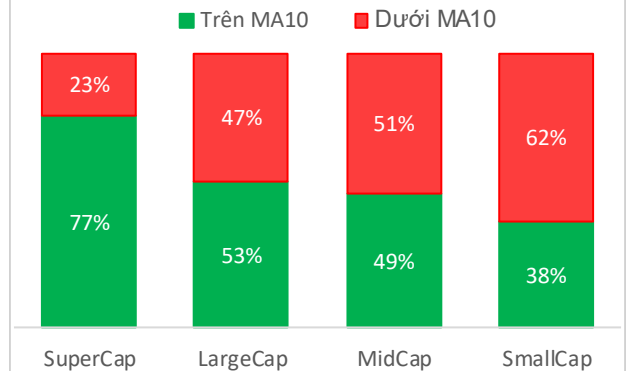
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành

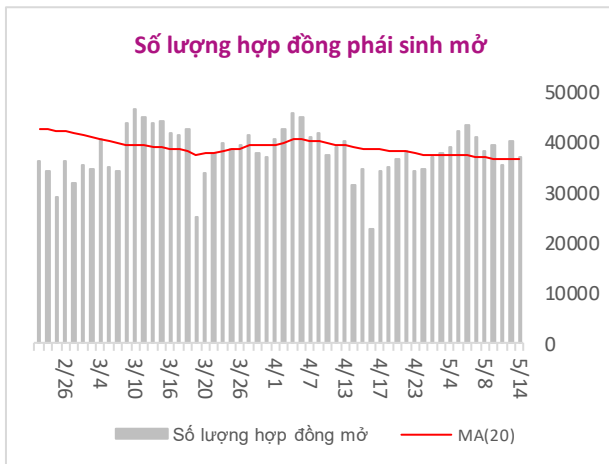
Ngân hàng ↑	Bất động sản ↓	Chứng khoán
Thép ↓	Phân bón	Công nghệ ↑
Dầu khí ↑	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↓	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓

Chỉ báo xu hướng MA10 theo vốn hoá

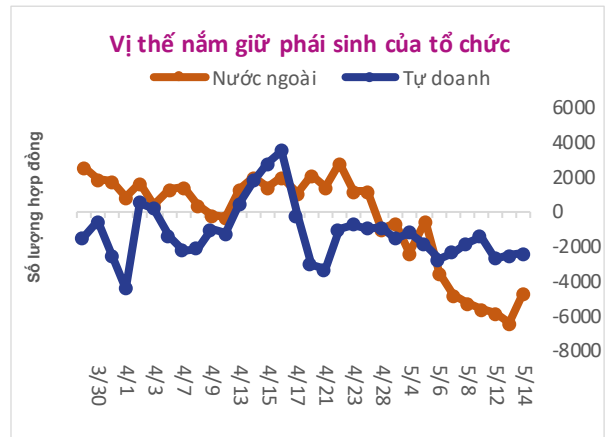


Thị trường phái sinh VN30

Số lượng hợp đồng phái sinh mở



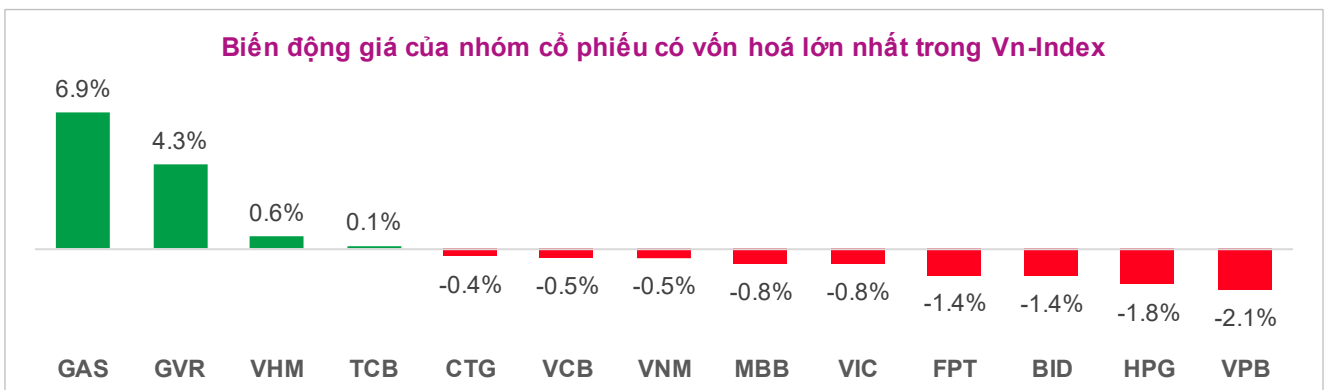
Vị thế nắm giữ phái sinh của tổ chức



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

Nhóm dẫn dắt thị trường

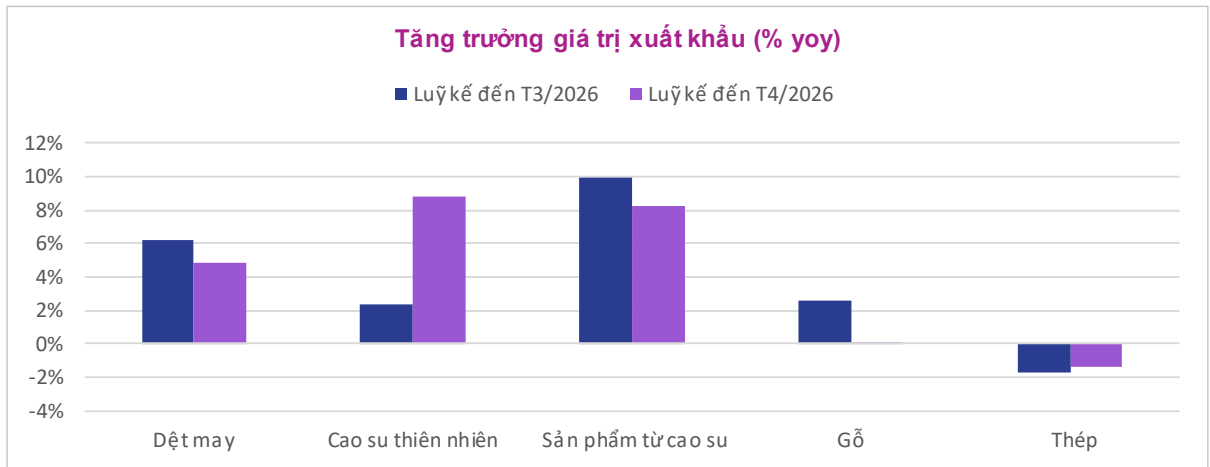
Biến động giá của nhóm cổ phiếu có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index



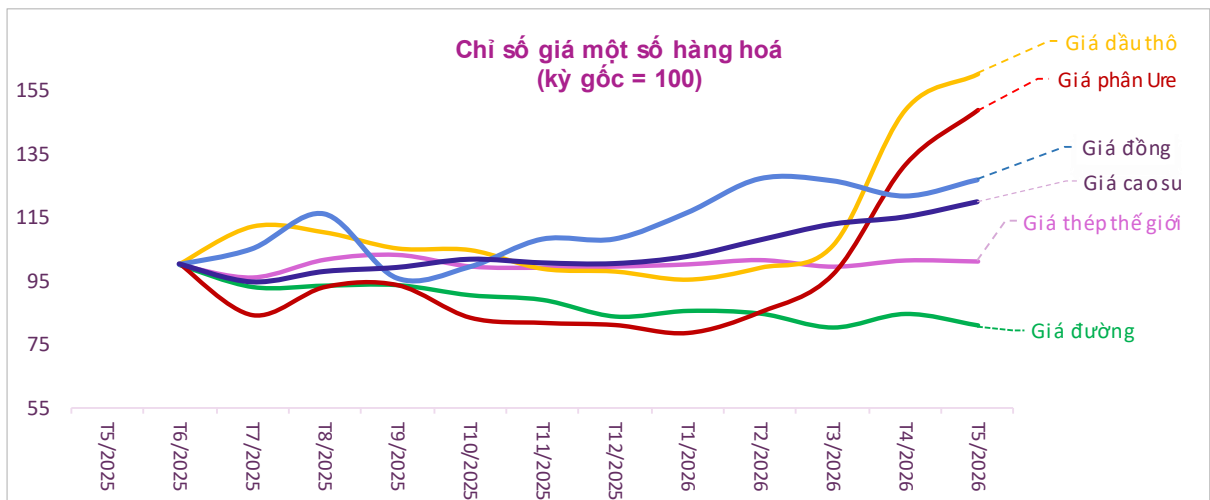
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	02/2026	03/2026	04/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	54.3	51.2	50.5	PMI duy trì trên 50 điểm, nhưng sụt giảm đáng kể so với các tháng trước do chi phí đầu vào tăng
Sản xuất công nghiệp (YoY)	1.0%	6.9%	9.9%	Duy trì đà tăng trưởng
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	8.5%	12.1%	12.1%	Tiêu dùng trong nước duy trì tăng trưởng tích cực.
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	5.8%	20.1%	21.6%	Xuất khẩu duy trì tăng trưởng
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	4.4%	27.8%	32.5%	Nhập khẩu duy trì tăng trưởng
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	3.4%	4.7%	5.5%	Lạm phát tiếp tục tăng mạnh đáng lo ngại
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	-0.6%	0.5%	0.04%	Tỷ giá vẫn đang bình ổn

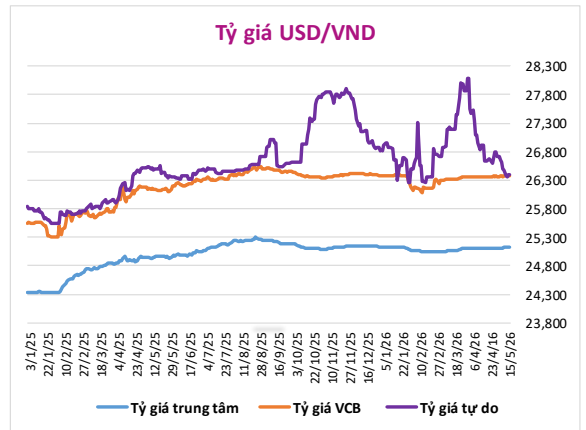
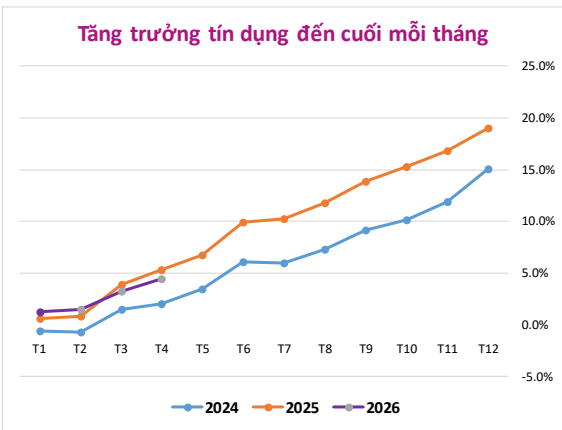
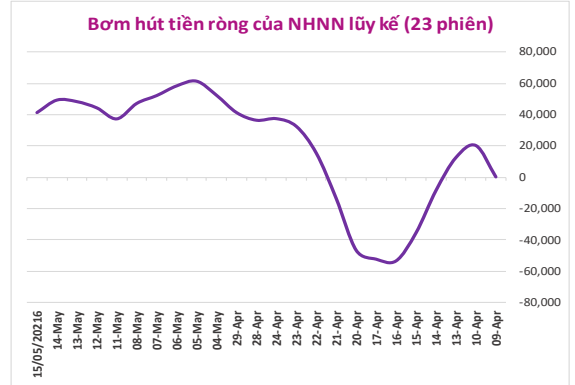
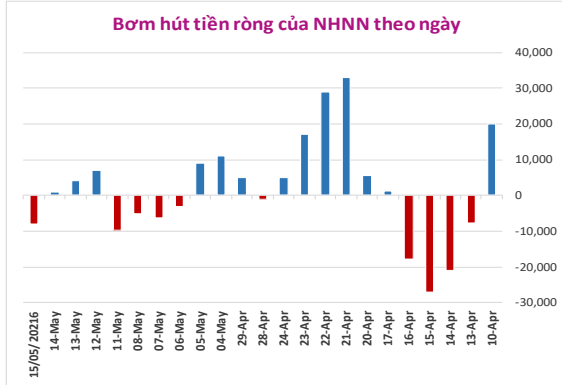
Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



Chính sách tiền tệ



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (15/5/26)		
			% LNST Q3/25 (YoY)	% LNST Q4/25 (YoY)	Biên lợi nhuận ròng Q3/25	Biên lợi nhuận ròng Q4/25	ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	Book Value	EPS		P/B	P/E
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.27	7.7	23,300
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.72	6.1	22,800
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	2.11	9.0	62,700
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.74	9.9	42,950
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.47	10.5	157,200
6	BSR	Đầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.63	30.6	31,750
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.85	10.2	76,600
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.55	8.0	35,800
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.69	16.2	84,900
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	2.15	11.8	43,750
11	DGC	Hóa chất	9.0%	-16.3%	28.6%	24.0%	20.8%	17.1%	40,566	8,397	1.27	6.1	51,500
12	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.70	16.9	42,400
13	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.47	6.5	47,400
14	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	5.49	17.7	83,400
15	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.84	11.1	72,900
16	GAS	Đầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	3.19	18.6	89,400
17	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.90	6.2	14,150
18	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.29	15.48	79,900
19	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.44	9.14	16,100
20	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	1.09	9.63	24,750
21	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.49	8.83	12,050
22	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.55	13.13	26,550
23	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	1.03	19.22	13,800
24	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	1.13	13.55	32,050
25	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	1.24	16.08	23,400
26	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.72	13.00	9,400
27	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	7.61	20.99	133,000
28	MML	Thực phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	2.07	17.37	31,600
29	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.84	6.05	36,100
30	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.61	17.42	77,500
31	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	3.58	3856.67	39,600
32	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.63	17.03	82,000
33	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.34	23.32	49,900
34	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.87	13.58	26,500
35	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.37	5.91	23,200
36	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.51	10.68	62,000
37	PLX	Đầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.85	18.31	42,200
38	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	1.06	13.83	14,100
39	PVS	Đầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.29	11.02	41,000
40	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.68	9.31	48,700
41	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.45	23.32	20,200
42	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.94	5.34	13,900
43	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.23	8.57	54,000
44	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.30	23.14	72,900
45	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.34	9.30	34,050
46	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	1.06	9.53	23,050
47	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.11	8.89	77,100
48	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.23	14.41	60,700
49	VGX	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.59	4.43	11,800
50	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.35	9.28	60,000
51	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	4.08	47.72	171,300
52	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.62	13.28	59,800
53	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.21	8.97	27,550
54	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	4.48	19.45	65,100

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.